

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1122/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1101/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113.1/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ché Thị Thanh M, sinh năm: 1970

Thường trú: 55/6/25 đường B, khu phố M, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T. Sinh năm: 1969

Thường trú: Ấp P, xã A, huyện C. Tạm trú: 55/6/25 đường B, khu phố M, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Công Th, sinh năm 1962. Địa chỉ: 80B/16 đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Huỳnh Văn N. Địa chỉ: 82 đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2021 của bà Chế Thị Thanh M và bản tự khai của các bên đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Chế Thị Thanh M là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/1992-TH quyền số 01/P10 do Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/1992.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường cãi vã nguyên nhân chính là do tính tình hai người không hợp nhau, không đồng quan điểm sống, ông T không làm tròn trách nhiệm người chồng người cha, thường xuyên ghen tuông vô lý. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chế Thị Thanh M yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Có bốn con chung tên Huỳnh Chế T1 sinh ngày 31/10/1988, Huỳnh Chế B sinh ngày 27/7/1990, Huỳnh Chế T2 sinh ngày 01/11/1993, Huỳnh Chế Thanh T3 sinh ngày 01/10/1995 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông xác nhận những lời khai của bà M về kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung là đúng. Nay bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, ông yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Có bốn con chung tên Huỳnh Chế T1 sinh ngày 31/10/1988, Huỳnh Chế B sinh ngày 27/7/1990, Huỳnh Chế T2 sinh ngày 01/11/1993, Huỳnh Chế Thanh T3 sinh ngày 01/10/1995 đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông yêu cầu vợ chồng giải quyết căn nhà tại địa chỉ 55/6/25 đường B, khu phố M, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi vợ chồng giải quyết căn nhà trên thì bà M mới được yêu cầu ly hôn đơn phương.

- Về nợ chung: Ông trình bày vợ chồng có nợ ông Huỳnh Công Th số tiền 4.600.000.000đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng), số tiền này là của ông Huỳnh Văn N đưa cho ông Th để ông Th đưa cho vợ chồng ông mượn, trong đó mượn 4.500.000.000đ để mua nhà 55/6/25 đường B, khu phố M, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và 100.000.000đ để làm ăn, ông yêu cầu bà M cùng có trách nhiệm với ông để trả số nợ trên cho ông N, trường hợp không trả số nợ trên thì yêu cầu bà M chuyển toàn bộ quyền sở hữu căn nhà trên cho ông.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Chế Thị Thanh M trình bày: Bà và ông T đã không thể hàn gắn, vì vậy bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Có bốn con chung tên Huỳnh Chế T1 sinh ngày 31/10/1988, Huỳnh Chế B sinh ngày 27/7/1990, Huỳnh Chế T2 sinh ngày 01/11/1993, Huỳnh Chế Thanh T3 sinh ngày 01/10/1995 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác nhận không có;

Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà M về thời gian chung sống, con chung là đúng. Nay bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, ông yêu cầu đoàn tụ vì vợ chồng không có mâu thuẫn. Trường hợp bà M muốn ly hôn thì phải chuyển nhượng toàn bộ nhà đất sang tên ông.

Về tài sản chung: Ông trình bày căn nhà số 55/6/25 khu phố 1, đường số B, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Huỳnh Văn N cho hai vợ chồng mượn tiền để mua, ông yêu cầu bà M chuyển toàn bộ quyền sở hữu căn nhà trên cho ông.

Về nợ chung: Ông yêu cầu bà M chuyển nhượng toàn bộ nhà đất sang tên ông thì ông sẽ tự giải quyết nợ chung. Nếu bà M không chuyển nhượng nhà đất cho ông thì bà và ông cùng có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Công Th số tiền là 4.600.000.000 (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng). Số tiền nợ là của ông N đưa cho ông Th để cho vợ chồng ông mượn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Công Th mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng nhưng chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa bà Chế Thị Thanh M và ông Huỳnh Văn T là tranh chấp ly hôn. Xét bị đơn có nơi cư trú tại số 55/6/25 đường B, khu phố M, phường A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Chế Thị Thanh M và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/1992-TH quyền số 01/P10 do Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/1992. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà M trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên không thể tiếp tục chung sống, nguyên nhân phát sinh từ việc do tính tình hai người không hợp nhau, không đồng quan điểm sống, ông T không làm tròn trách nhiệm người chồng người cha, thường xuyên ghen tuông vô lý. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Theo kết quả xác minh của ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân cho biết “chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của bà Chế Thị Thanh M và ông Huỳnh Văn T”.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của vợ chồng bà M ông T không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Trong quá trình hòa giải tại tòa, các bên vẫn không có tiếng nói chung, không có thiện chí quay về đoàn tụ, tòa án đã cho thời gian để các bên hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà M ông T đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

Xét yêu cầu của ông Huỳnh Văn T. Ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng như đã cho thời gian để các bên hàn gắn tình cảm, tuy nhiên vẫn không hàn gắn được. Ông T cho rằng ông muốn được đoàn tụ nhưng lại không có hướng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, ông yêu cầu bà M phải giải quyết vấn đề tài sản chung mới đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy giữa vợ chồng đã không còn tình cảm yêu thương nhau. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông T.

Về con chung: Có bốn con chung tên Huỳnh Chế T1 sinh ngày 31/10/1988, Huỳnh Chế B sinh ngày 27/7/1990, Huỳnh Chế T2 sinh ngày 01/11/1993, Huỳnh Chế Thanh T3 sinh ngày 01/10/1995 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tại biên bản làm việc ngày 08/3/2022, ông T cho biết ông muốn Tòa án giải quyết tài sản chung nhưng ông không có tiền tạm ứng án phí. Tòa án đã cho thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản làm việc để ông T nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên ông T không có đơn yêu cầu. Bà M yêu cầu được tự thỏa thuận tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết nợ chung của ông Huỳnh Văn T. Ông trình bày vợ chồng có nợ ông Huỳnh Công Th số tiền 4.600.000.000đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) (số tiền này là của ông Huỳnh Văn N đưa cho ông Th để ông Th cho vợ chồng ông mượn). Ông yêu cầu ông và bà M cùng trả số nợ trên cho ông Th. Trường hợp bà M chuyển nhượng toàn bộ nhà đất sang tên ông thì ông sẽ tự giải quyết nợ chung. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ Tòa án đã cho thời hạn để ông Huỳnh Văn T cung cấp toàn bộ chứng cứ chứng minh khoản nợ chung và các chứng cứ khác có liên quan, tuy nhiên ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh khoản nợ trên của vợ chồng. Ông chỉ cung cấp bản photo cam kết giữa ông và bà M, không cung cấp được giấy vay nợ giữa hai vợ chồng và người cho vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Công Th tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với khoản nợ trên của ông T bà M. Bà M trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn T, không xem xét giải quyết phần nợ chung.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Bà Chế Thị Thanh M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0033101 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chế Thị Thanh M.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Chế Thị Thanh M được ly hôn với ông Huỳnh Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 03/1992-TH quyền số 01/P10 do Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/1992 không còn giá trị pháp lý.

1.2.Về con chung: Có bốn con chung tên Huỳnh Chế T1 sinh ngày 31/10/1988, Huỳnh Chế B sinh ngày 27/7/1990, Huỳnh Chế T2 sinh ngày 01/11/1993, Huỳnh Chế Thanh T3 sinh ngày 01/10/1995 đều đã trưởng thành.

1.3.Về tài sản chung, nợ chung: Do không có đơn yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện ở một vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Bà Chế Thị Thanh M chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0033101 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phi Yến